TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2019
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiểm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1) Bà Tô Thị Ninh
2) Bà Thái Thị Thìn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST- HNGĐ, ngày 14/3/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Phúc Ph, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Xóm BG, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lý Thị Đ, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Xóm BG, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai tại trụ sở Tòa án và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn - ông Mai Phúc Ph trình bày:

Năm 1988, trong thời gian đi bộ đội, đơn vị ông đóng quân ở huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, ông gặp bà Lý Thị Đ, sinh năm 1966 ở xóm NH, xã NT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng, sau một thời gian tìm hiểu giữa hai bên nảy sinh tình cảm yêu thương và quan hệ với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 1991, ông được phục viên, ông và bà Đ trở về địa phương quê ông sinh sống ở xã Sơn Phú, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2008 thì ông bà chuyển sang xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở từ đó đến nay. Từ khi ông bà chung sống với nhau như vợ chồng đến nay ông bà chưa đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã, to tiếng với nhau, bà Đ có thái độ không tôn trọng chồng, nói xấu, xúc phạm chồng nơi đông

người. Khi ông nhắc nhở thì bà Đ không nghe, thậm chí tỏ thái độ thù ghét, hằn học với chồng. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2013 đến nay ông bà sống ly thân, ai làm việc nấy, không ai quan tâm, hỏi han, chia sẻ chuyện gì với nhau. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, ông xin được ly hôn với bà Đ.

Về con chung, ông Ph xác định ông và bà Đ có 01 con chung là Mai Phúc B, sinh ngày 08/02/1990. Khi ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con bởi hiện nay con đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, lao động tự túc được.

Về tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng sẽ tự phân chia. Ông và bà Đ không có nợ chung.

Phía bị đơn, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, giấy triệu tập cũng như Thông báo mở phiên họp, phiên hòa giải nhưng bà Đ không có văn bản nêu ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập cũng như thông báo mở phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án. Vỳ vậy,Tòa án không tiến hành hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Kết quả xác minh cho thấy ông Mai Phúc Ph và bà Lý Thị Đ không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch: Ủy ban nhân dân xã NT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng; Ủy ban nhân dân xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa ngày 18/7/2019 vắng mặt bà Đ lần thứ nhất, Tòa án phải hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Sau khi hoãn phiên tòa Toà án nhận được đơn trình bày ý kiến và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 18/7/2019 của bà Đ gửi qua đường bưu điện. Tại đơn trình bày ý kiến, bà Đ xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà với ông Ph là do ông Ph có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác từ năm 2014, khi bà khuyên giải thì ông Ph không từ bỏ quan hệ mà còn đánh bà, ông Ph còn nói sẽ bỏ bà, bà nhất trí.. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Ông Ph và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng tù năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Phúc Ph và bà Lý Thị Đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Phúc Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành làm các thủ tục theo quy định và được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn có nơi cư trú tại xóm BG, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, vắng mặt bị đơn - bà Lý Thị Đ nhưng bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của ông Ph, ý kiến của bà Đ thấy rằng: Ông Ph và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc chung sống của ông Ph và bà Đ không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay cả hai bên đều xác định mâu thẫn giữa hai bên đã trầm trọng từ năm 2013 đến nay và không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm gì. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Ph cương quyết xin được ly hôn; tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 18/7/2019 của bà Đ, bà nhất trí ly hôn.

Ông Mai Phúc Ph và bà Lý Thị Đ chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; vì vậy, không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Mai Phúc Ph và bà Lý Thị Đ.

Về con chung: Ông Ph và bà Đ có 01 con chung là Mai Phúc B, sinh ngày 08/02/1990. Hiện con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, lao động tự túc được, Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, ông Ph và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đỗng xét xử không xem xét. Vợ chồng không có nợ chung.

Về án phí: ông Mai Phúc Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Phúc Ph và bà Lý Thị Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Phúc Ph phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008603 ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, ông Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; báo cho ông Ph biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt bà Đ, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ(02 bản);
- THADS huyện ĐịnhHóa;
- UBND xã ĐM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiểm